

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - HỢP NHẤT
Năm 2020

B01b-DN

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Tài sản ngắn hạn	100		3.386.171	3.994.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		981.592	912.782
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.900.000	2.300.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		362.721	736.661
IV. Hàng tồn kho	140		36.346	27.402
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		105.512	17.841
B - Tài sản dài hạn	200		1.307.410	1.234.641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.713	493
II. Tài sản cố định	220		1.066.868	1.067.689
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	240		209.184	137.827
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.645	28.633
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.693.581	5.229.326

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- Nợ phải trả	300		880.135	1.421.799
I. Nợ ngắn hạn	310		615.535	1.140.869
II. Nợ dài hạn	330		264.600	280.929
D - Vốn chủ sở hữu	400		3.813.446	3.807.528
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.813.446	3.807.528
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.693.581	5.229.326

(Handwritten signature and blue checkmark)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH-HỢP NHẤT
Năm 2020*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01		1.862.996	4.275.928
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31		153.311	154.767
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.206	1.831.659
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		27.757	1.464.415



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(184.596)	863.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		253.255	(689.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		68.659	174.544
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		912.782	738.308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		152	(70)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		981.592	912.782



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Bảo đảm hoạt động bay Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108624 ngày 30 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 08 ngày 06 tháng 11 năm 2019.

Bộ Giao thông Vận tải được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu Nhà nước đối với Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH theo quy định của pháp luật.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.924 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.904 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ đảm bảo hoạt động bay; dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - Thiết kế kiến trúc công trình;
 - Thiết kế nội, ngoại thất công trình;
 - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Thiết kế hệ thống điện công trình sân bay;
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thiết kế hệ thống điện điều khiển, mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng sân bay;
 - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình dân dụng và công nghiệp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Giám sát công tác lắp đặt mạng thông tin liên lạc trong công trình;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Mối quan hệ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	Hà Nội	Công ty con	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với các vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay, căn cứ vào văn bản số 6951/BTC-TCDN ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính và văn bản số 7512/BGTVT-TC ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty xây dựng Quy chế quản lý vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay và áp dụng cụ thể như sau:

- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại trên 01 năm và các vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) mua sắm theo dự án đầu tư sẽ ghi tăng vào nguyên giá của hệ thống tài sản và được quản lý, theo dõi, sử dụng và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm sẽ được coi là công cụ, dụng cụ điều hành bay và được phân bổ 50% vào chi phí trong năm hiện hành và phân bổ 50% vào chi phí năm tiếp theo. Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị dưới 30 triệu đồng) sẽ được quản lý theo dõi trong kho, khi xuất dùng sẽ được ghi tăng chi phí thường xuyên của Tổng Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Khi có quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán và chi phí khấu hao sẽ được điều chỉnh tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của tài sản được tính theo thời gian sử dụng được hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Trong năm, Công ty mẹ - Tổng Công ty tiếp tục áp dụng chế độ khấu hao nhanh một số tài sản theo Công văn số 9821/BTC-TCDN ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài chính, Công văn số 10129/BGTVT-QLDN ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc trích khấu hao nhanh tài sản cố định của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam – Công ty TNHH và Quyết định số 386/QĐ-HĐTV ngày 13 tháng 9 năm 2016 về việc ban hành Quy định về thời gian trích khấu hao tài sản cố định áp dụng trong Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam – Công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua phần mềm máy tính mới không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán vào tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí khác.

Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm được coi là công cụ, dụng cụ điều hành bay và được phân bổ 50% vào chi phí trong năm hiện hành và phân bổ 50% vào chi phí năm tiếp theo.

Các chi phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng tương ứng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Cụ thể:

- Phí bay qua vùng trời Việt Nam là khoản thu thuộc Ngân sách Nhà nước, Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thu phí, nộp 100% vào Ngân sách Trung ương theo quy định tại Thông tư số 146/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và áp dụng từ năm tài chính 2017.
- Doanh thu dịch vụ điều hành bay qua phát sinh trong năm được ghi nhận theo giá bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý trước ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Quyết định số 4405/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải và sau ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giao thông Vận tải.
- Doanh thu dịch vụ điều hành bay đi, đến và điều hành bay nội địa phát sinh trong năm trước ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Quyết định số 4213/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải và sau ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giao thông Vận tải. Riêng giá dịch vụ điều hành bay nội địa trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2020 được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 19/2020/TT-BGTVT ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay Việt Nam, dịch vụ điều hành bay đi, đến; điều hành bay nội địa và dịch vụ khác được ghi nhận phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng và dịch vụ được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do Tổng Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa thu nhập chịu thuế và thu nhập kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”) đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các loại hình dịch vụ của Tổng Công ty như sau:

- Giá dịch vụ điều hành bay qua chịu thuế suất là 0%. Phí bay qua vùng trời Việt Nam được nộp 100% vào Ngân sách Nhà nước theo Thông tư số 146/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc tế đi, đến chịu thuế suất là 0%;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc nội bay quốc tế chịu thuế suất là 10%; và
- Dịch vụ điều hành bay nội địa chịu thuế suất 10%.

Thuế GTGT đầu ra phải nộp của hoạt động điều hành bay được kê khai, nộp thuế và khấu trừ tại Tổng Công ty và Công ty Quản lý bay miền Nam theo tỷ lệ tổng số doanh thu chịu thuế GTGT và số doanh thu không chịu thuế GTGT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Nguồn vốn do Ngân sách Nhà nước cấp;
- Nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận kinh doanh được để lại; và
- Các nguồn vốn khác.

Các quỹ của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành đối với Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu của Nhà nước theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (“Nghị định 91”) ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91.

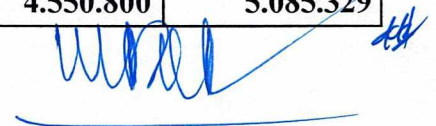
TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - RIÊNG
Năm 2020

B01b-DN

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Tài sản ngắn hạn	100		3.130.115	3.760.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		808.965	735.688
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.900.000	2.300.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309.722	698.225
IV. Hàng tồn kho	140		10.152	9.865
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		101.276	16.495
B - Tài sản dài hạn	200		1.420.685	1.325.057
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		513	493
II. Tài sản cố định	220		958.959	929.071
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	240		157.539	93.106
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		279.084	279.084
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.590	23.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.550.800	5.085.329

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- Nợ phải trả	300		737.545	1.277.994
I. Nợ ngắn hạn	310		557.375	1.091.402
II. Nợ dài hạn	330		180.170	186.592
D - Vốn chủ sở hữu	400		3.813.254	3.807.336
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.813.254	3.807.336
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.550.800	5.085.329

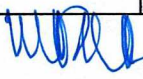



TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH- RIÊNG
Năm 2020

B02b-DN

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01		1.765.303	4.166.466
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31		149.836	182.023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.704	1.792.474
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		13.788	1.439.983

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM**B03a - DN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - RIÊNG****Năm 2020***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(203.978)	710.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		277.195	(606.567)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		73.217	104.309
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		735.688	631.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		60	(14)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		808.965	735.688



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Bảo đảm hoạt động bay Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108624 ngày 30 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 08 ngày 06 tháng 11 năm 2019.

Bộ Giao thông Vận tải được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu Nhà nước đối với Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH theo quy định của pháp luật.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.531 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.493 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: dịch vụ đảm bảo hoạt động bay;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - Thiết kế kiến trúc công trình;
 - Thiết kế nội, ngoại thất công trình;
 - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Thiết kế hệ thống điện công trình sân bay;
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thiết kế hệ thống điện điều khiển, mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng sân bay;
 - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
 - Giám sát công tác lắp đặt mạng thông tin liên lạc trong công trình;
 - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Mối quan hệ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	Hà Nội	Công ty con	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này cần đọc báo cáo cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với các vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay, căn cứ vào Văn bản số 6951/BTC-TCDN ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính và Văn bản số 7512/BGTVT-TC ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty xây dựng Quy chế quản lý vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay và áp dụng cụ thể như sau:

- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại trên 01 năm và các vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) mua sắm theo dự án đầu tư sẽ ghi tăng vào nguyên giá của hệ thống tài sản và được quản lý, theo dõi, sử dụng và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.
- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm sẽ được coi là công cụ, dụng cụ điều hành bay và được phân bổ 50% vào chi phí trong năm hiện hành và phân bổ 50% vào chi phí năm tiếp theo. Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị dưới 30 triệu đồng) sẽ được quản lý theo dõi trong kho, khi xuất dùng sẽ được ghi tăng chi phí thường xuyên của Tổng Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Khi có quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán và chi phí khấu hao sẽ được điều chỉnh tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của tài sản được tính theo thời gian sử dụng được hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục áp dụng chế độ khấu hao nhanh một số tài sản theo Công văn số 9821/BTC-TCDN ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài chính, Công văn số 10129/BGTVT-QLDN ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc trích khấu hao nhanh tài sản cố định của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam – Công ty TNHH và Quyết định số 386/QĐ-HĐTV ngày 13 tháng 9 năm 2016 về việc ban hành Quy định về thời gian trích khấu hao tài sản cố định áp dụng trong Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam – Công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua phần mềm máy tính mới không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán vào tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí khác.

Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm được coi là công cụ, dụng cụ điều hành bay và được phân bổ 50% vào chi phí trong năm hiện hành và phân bổ 50% vào chi phí năm tiếp theo.

Các chi phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng tương ứng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Cụ thể:

- Phí bay qua vùng trời Việt Nam là khoản thu thuộc Ngân sách Nhà nước, Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thu phí, nộp 100% vào Ngân sách Trung ương theo quy định tại Thông tư số 146/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và áp dụng từ năm tài chính 2017.
- Doanh thu dịch vụ điều hành bay qua phát sinh trong năm được ghi nhận theo giá bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý trước ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Quyết định số 4405/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải và sau ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giao thông Vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- Doanh thu dịch vụ điều hành bay đi, đến và điều hành bay nội địa phát sinh trong năm trước ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Quyết định số 4213/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải và sau ngày 15 tháng 3 năm 2020 thực hiện theo Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giao thông Vận tải. Riêng giá dịch vụ điều hành bay nội địa trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2020 được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 19/2020/TT-BGTVT ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay Việt Nam, dịch vụ điều hành bay đi, đến; điều hành bay nội địa và dịch vụ khác được ghi nhận phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng và dịch vụ được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do Tổng Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa thu nhập chịu thuế và thu nhập kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”) đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các loại hình dịch vụ của Tổng Công ty như sau:

- Giá dịch vụ điều hành bay qua chịu thuế suất là 0%. Phí bay qua vùng trời Việt Nam được nộp 100% vào Ngân sách Nhà nước theo Thông tư số 146/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc tế đi, đến chịu thuế suất là 0%;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc nội bay quốc tế chịu thuế suất là 10%; và
- Dịch vụ điều hành bay nội địa chịu thuế suất 10%.

Thuế GTGT đầu ra phải nộp của hoạt động điều hành bay được kê khai, nộp thuế và khấu trừ tại Tổng Công ty và Công ty Quản lý bay miền Nam theo tỷ lệ tổng số doanh thu chịu thuế GTGT và số doanh thu không chịu thuế GTGT.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Nguồn vốn do Ngân sách Nhà nước cấp;
- Nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận kinh doanh được để lại; và
- Các nguồn vốn khác.

Các quỹ của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành đối với Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu của Nhà nước theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (“Nghị định 91”) ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91.